Hội nhập kinh tế quốc tế, khả năng cạnh tranh và đời sống nông thôn ở Việt Nam

Hà Nội, tháng 4 năm 2002

LỜI TỰA CỦA ĐIỀU PHỐI VIÊN THƯỜNG TRÚ LIÊN HỢP QUỐC

Tài liệu này là một phần của loạt tài liệu thảo luận do Nhóm các tổ chức Liên Hợp Quốc tại Việt Nam soạn thảo. Dựa trên chuyên môn kỹ thuật thực chất đa dạng của các cơ quan Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, loạt tài liệu này xem xét những vấn đề phát triển mang tính ưu tiên ở Việt Nam, cung cấp một cách vắn tắt thông tin về những thách thức và cơ hội chính trong việc ứng phó với những vấn đề quan trọng này. Loạt tài liệu này nhằm thúc đẩy thảo luận trong một nỗ lực liên tục nhằm hình thành những biện pháp tốt hơn để giải quyết những vấn đề này.

Tài liệu thảo luận về hội nhập kinh tế quốc tế, khả năng cạnh tranh và đời sống nông thôn ở Việt Nam này là tập đầu tiên trong loạt tài liệu. Gần đây các cơ quan Liên Hợp Quốc ở Việt Nam đã hỗ trợ một loạt các nghiên cứu liên quan tới hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển nông thôn.[1] Nghiên cứu mới nhất là một nghiên cứu về chính sách, tập trung vào các biện pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của bốn loại cây trồng xuất khẩu rất quan trọng thông qua cải thiện chất lượng và hiệu quả chế biến, tiếp thị.[2] Tài liệu này chủ yếu dựa trên cơ sở của nghiên cứu đó.

Để xem toàn bộ loạt tài liệu thảo luận, xin mời vào thăm trang chủ của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam tại địa chỉ www.un.org.vn.

Jordan Ryan
Điều phối viên thường trú Liên Hợp Quốc

[1] Khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp Việt Nam: Phân tích sơ bộ bối cảnh ASEAN và AFTA, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Thuỷ sản/FAO, Hà Nội, tháng 10 năm 2000; Xây dựng chương trình kiểm tra chứng nhận thực phẩm xuất khẩu ở Việt Nam, Ban Quản lý Tiêu chuẩn và Chất lượng/FAO, Hà Nội, tháng 4 năm 2001.

[2] Chính sách nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam, UNDP/FAO, Hà Nội, tháng 11 năm 2001.

Lời cảm ơn

Tài liệu thảo luận này do FAO và UNDP khởi xướng, chỉ đạo và do Michael Westlake biên soạn.

TÓM TẮT

Trong thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã cho thấy ngành nông nghiệp của mình có khả năng cạnh tranh quốc tế và đã tăng được thị phần trên thương trường thế giới trong nhiều mặt hàng nông nghiệp quan trọng. Tuy nhiên, những đợt sụt giảm giá quốc tế của đại đa số các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu chính của Việt Nam đã làm nổi bật những vấn đề cố hữu trong ngành nông nghiệp mới dựa trên cơ chế thị trường này. Đặc biệt, những diện tích trồng các cây lâu năm xuất khẩu thường có năng suất thấp cả về chất lẫn về lượng; các cấu trúc cho hệ thống tiếp thị của quốc gia chưa được hình thành đầy đủ; và nhiều hộ nông dân còn thiếu năng lực để đối phó với tình trạng bất ổn định về mức thu nhập thực mà họ thu được từ việc sản xuất các cây lâu năm để xuất khẩu. Do những yếu kém này các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam thường chỉ thu được giá trị thấp tính trên đơn vị sản phẩm so với giá trị đạt được của các nước khác.

Tài liệu này xem xét những vấn đề kể trên, thảo luận các cách giải quyết, và đề xuất các chính sách và biện pháp. Những chính sách và biện pháp tiềm năng này sẽ được nghiên cứu chi tiết hơn trong các nghiên cứu tiếp theo do Liên Hợp Quốc hỗ trợ, và các kết luận sẽ là chủ đề của một tài liệu thảo luận sau này của Liên Hợp Quốc.

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Cà phê Arabica:Cà phê Chè	Một loại cà phê chiếm tới hai phần ba sản lượng của toàn thế giới. Loại cà phê này được trồng chủ yếu ở Trung và Nam Mỹ. Một sản lượng nhỏ được sản xuất ở Việt Nam
Giá xuất biên:	Giá trả cho hàng xuất khẩu tại biên giới của Việt Nam
Cà phê nhân:	Phần lớn lượng cà phê trao đổi trên thế giới là cà phê nhân. Đây là thứ thu được sau khi đã tách bỏ phần thịt và lớp 'da khô' của quả cà phê
Cây trồng lâu năm:	Những cây trồng dài hơn hai năm, như cà phê, điều, chè, và hồ tiêu
Giá nhà sản xuất:	Giá trả cho nông dân và các cơ sở sản xuất nông nghiệp cho các sản phẩm nông nghiệp sản xuất trong nông trại hoặc ở một điểm nằm ngoài nông trạI ví dụ như một nhà máy chế biến
Sản lượng dự tính:	Ước tính về sản lượng tương lai
Cà phê Robusta:Cà Phê Vối	Một loại cà phê chiếm khoảng một phần ba sản lượng của toàn thế giới. Loại cà phê này được trồng chủ yếu ở Tây Phi và Đông Nam Á. Việt Nam là nước sản xuất nhiều nhất thế giới. Tuy nhiên, loại cà phê này được đánh giá là có chất lượng kém hơn và được bán với giá thấp hơn trên thị trường thế giới.
Tàng trữ thời vụ:	Việc trữ hàng trong cùng năm mà hàng được sản xuất
Ban tiếp thị của Nhà nước:	Một ban tiếp thị của Chính phủ Việt Nam với mục đích xúc tiến các mặt hàng nông sản

MỤC LỤC

I. TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Đóng góp của hội nhập kinh tế quốc tế đối với tăng trưởng nông nghiệp.....7

Các vấn đề do tốc độ tăng trưởng nhanh gây ra 7

II. KHUYẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP CHÍNH SÁCH

Cải thiện năng lực của nông dân Việt Nam để đối phó với ảnh hưởng của các lực lượng thị trường thế giới 8

Cải thiện chất lượng năng lực vườn cây lâu năm hiện tại 11

Nâng cao hiệu quả chế biến và tiếp thị 11

III. KẾT LUẬN 12

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO 13

I. TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Đóng góp của hội nhập kinh tế quốc tế đối với tăng trưởng nông nghiệp

Sản lượng nông nghiệp của Việt Nam đã tăng nhanh kể từ khi phát động chính sách Đổi Mới năm 1986, với động lực chính là việc tự do hoá nhanh chóng nền kinh tế quốc dân và thừa nhận vai trò của người nông dân như là một tác nhân kinh tế tự chủ. Sự tăng trưởng này đã giúp giảm nghèo một cách rõ rệt ở nông thôn và biến Việt Nam từ một nước phải nhập khẩu lương thực trở thành một nước xuất khẩu lớn.

Sản xuất gạo trong nước để thay thế cho gạo nhập khẩu là một nét cơ bản của giai đoạn tăng trưởng ban đầu. Gần đây hơn đã có thêm một lượng nhỏ thay thế nhập khẩu trong những mặt hàng như đường. Cầu lương thực và thực phẩm trong nước tăng do tăng dân số và tăng thu nhập đầu người cũng tạo thêm những đầu ra mới cho những tăng trưởng về sản lượng nông nghiệp của Việt Nam. Tuy nhiên, trong phần lớn thập kỷ vừa qua, kênh đầu ra chủ yếu cho sự gia tăng này là thị trường thế giới. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã chuyển mình từ một nước phải nhập khẩu gạo trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới. Đồng thời từ một nước sản xuất cà phê nhỏ Việt Nam cũng đã trở thành nước xuất khẩu nhiều nhất cà phê Vối (Robusta). Tổng lượng xuất khẩu cà phê các loại của Việt Nam hiện ngang bằng với Colombia, quốc gia xuất khẩu cà phê quan trọng thứ hai trên thế giới. Những năm gần đây Việt Nam cũng đã trở thành nước xuất khẩu lớn về hạt điều, hồ tiêu và thuỷ sản.

Các thị trường trong nước về cà phê, hạt điều và hồ tiêu đều nhỏ. Vì vậy, những thị trường này không thể tạo kênh đầu ra cho những gia tăng mạnh về sản lượng mà Việt Nam đã đạt được. Trong trường hợp lúa gạo, sự gia tăng sản lượng nếu không có xuất khẩu chắc chắn sẽ chậm hơn nhiều, bởi vì lượng gạo dư thừa sẽ làm giảm giá gạo trong nước xuống mức thấp hơn so với giá đạt được nhờ xuất khẩu. Do đó, rõ ràng là sự tồn tại của thị trường thế giới và sự hội nhập của Việt Nam vào những thị trường này là điều kiện tiên quyết cho sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành nông nghiệp.

Các vấn đề do tốc độ tăng trưởng nhanh gây ra

Nền nông nghiệp Việt Nam đã chứng tỏ khả năng cạnh tranh quốc tế bằng cách tăng thị phần một loạt các hàng hoá nông nghiệp quan trọng của mình trong thương mại toàn cầu .

Nhưng bên cạnh những thành tựu xuất sắc này, khu vực nông thôn tăng trưởng chậm hơn so với toàn bộ nền kinh tế nói chung và vẫn là một khu vực có vấn đề với tỷ lệ nghèo phổ biến dưới nhiều hình thức. Năm 1998, ước tính 94 phần trăm người nghèo Việt Nam sống ở vùng nông thôn. Do nghèo là yếu tố chính hạn chế hộ gia đình tiếp cận với lương thực, tỷ lệ bất an ninh lương thực và suy dinh dưỡng ở khu vực nông thôn cũng cao hơn so với khu vực đô thị.[3]

Trong thập kỷ vừa qua, Chính phủ đã tiếp tục công bố những kế hoạch phát triển với các chỉ tiêu tăng trưởng cho từng mặt hàng nông nghiệp và đã tìm cách hỗ trợ định hướng phát triển sản lượng nông nghiệp bằng cách cấp các khoản vay ưu đãi và các hình thức hỗ trợ tài chính khác cho nông dân. Tuy nhiên, tốc độ đáng kể về tăng trưởng chủ yếu là nhờ người nông dân đã phản ứng một cách tự phát trước các động cơ thị trường. Một biểu hiện của nét tự phát này là người nông dân đã chuyển sang canh tác những cây trồng mà họ ít có hoặc không hề có kinh nghiệm gì mà Chính phủ cũng không có khả năng cung cấp hỗ trợ cần thiết về khuyến nông. Về mặt chế biến và tiếp thị, mặc dù năng lực vật chất nói chung là đáp ứng được với tốc độ phát triển nhanh chóng về sản lượng nông nghiệp, nhưng năng lực này chủ yếu đạt được chỉ bằng cách nhân thêm các nhà xưởng và hệ thống có sẵn từ khi sản lượng chỉ bằng một phần nhỏ mức sản lượng hiện nay.

[3] Xem: Tình trạng bất an ninh lương thực ở Việt Nam: tiến bộ từ sau cuộc họp thượng đỉnh thế giới về lương thực 1996, Vụ kế hoạch và quy hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 10 năm 2001.

Kết quả cuối cùng của tiến trình tăng trưởng nhanh mang tính tự phát này là:

- các hộ nông dân thường thiếu khả năng đối phó trước ảnh hưởng của giá cả thị trường thế giới vốn bất ổn định và khó dự đoán;
- năng lực hiện tại của các vườn cây lâu năm không đạt chuẩn về cả năng suất cũng như chất lượng của sản phẩm;
- các phương pháp sản xuất thâm canh được áp dụng và điều này được xem như là không thể duy trì bền vững được[4];
- các hệ thống chế biến và tiếp thị không phù hợp với mức sản lượng hiện tại và trong một số trường hợp không phù hợp với ảnh hưởng quan trọng của những mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đối với giá cả thế giới; và
- do những yếu kém kể trên, các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chính của Việt Nam thường chỉ đạt được mức giá thấp hơn so với các nước khác. Điều này đúng đối với hai mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu chính là gạo và cà phê, cũng như các cây công nghiệp xuất khẩu khác như cây chè.

II. KHUYẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP CHÍNH SÁCH

Cải thiện năng lực của nông dân Việt Nam để đối phó với ảnh hưởng của các lực lượng thị trường thế giới

Một đặc điểm chính của sự tăng trưởng nông nghiệp trong những năm 90 là ngoài lúa gạo ra sự tăng trưởng này chủ yếu tập trung vào các cây lâu năm. Tới năm 2000, Việt Nam có tới 517.000 héc-ta cà phê, 407.000 héc-ta cao su, 250.000 héc-ta hạt điều, 90.000 héc-ta chè, và 25.000 héc-ta hồ tiêu.

Cùng với việc mở cửa nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam với thị trường thế giới là việc Chính phủ càng ngày càng ít can thiệp trực tiếp về giá cả. Những thay đổi này kết hợp với nhau đã khiến người nông dân Việt Nam chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định của giá cả quốc tế. Điều này lại dẫn tới việc họ phải đối mặt với giá nhà sản xuất vừa kém ổn định hơn vừa khó dự báo hơn so với trước kia.

Sự kết hợp giữa giá nhà sản xuất bất ổn định và không dự báo được và bản chất dài hạn của các đầu tư nông nghiệp gây ra những vấn đề lớn cho nông dân, nhất là những người canh tác các vụ cây lâu năm. Những vấn đề này gồm hai loại khác nhau. Loại thứ nhất liên quan tới việc phân bổ nguồn lực nông nghiệp. Khi không có khuyến cáo ngược lại, nông dân thường sẽ đầu tư vào những cây mà họ thấy là có vẻ như đang sinh lời tại thời điểm mà họ đưa ra quyết định đầu tư. Do đó, họ thường sẽ cam kết với một cây trồng khi giá cả thế giới và lợi nhuận sản xuất của cây đó đang cao. Ở Việt Nam, nông dân sản xuất trên quy mô nhỏ thường đặc biệt dễ đưa ra những cam kết như vậy đối với các cây lâu năm mới dựa trên cơ sở như vậy bởi vì kinh nghiệm chính mà họ có thường là kinh nghiệm về sản xuất lúa -loài cây có chu kỳ sản xuất theo tháng chứ không phải theo năm. Xu hướng này càng trở nên trầm trọng hơn bởi vì người nông dân không được tiếp cận với tư vấn về khuyến nông tiếp thị. Đầu tư trên cơ sở giá đỉnh điểm có nghĩa là một số nông dân canh tác trên những diện tích không phù hợp mà ở đó, tính cả năm được mùa lẫn năm kém, họ sẽ thu được mức lợi nhuận thấp hơn so với khi làm những hoạt động khác. Như thế có nghĩa là phân bổ sai nguồn lực.

Ngay cả khi người nông dân trồng được loại cây phù hợp nhất đối với đất đai của họ, thì trồng vào thời điểm giá đỉnh cao cũng là điều không nên làm bởi vì các nhà sản xuất trên toàn thế giới cũng có xu hướng làm như vậy. Sản lượng mới của các nông dân sẽ tuôn ra khi giá cả thế giới bắt đầu giảm vì năng lực mới trên toàn cầu đạt tới sự sung mãn. Để đầu tư có hiệu quả thì sản lượng mới phải được đưa ra trùng với giai đoạn đang lên trong chu kỳ giá cả.

Có nhiều tiềm năng để hỗ trợ nông dân cải thiện việc ra quyết định đầu tư thông qua việc cung cấp tư vấn. Dịch vụ khuyến nông của Việt Nam hiện nay chú trọng vào khâu sản xuất mà ít hoặc không tư vấn

[4] Việc sử dụng nhiều hoá chất là một nguyên nhân chính gây quan ngại trong trường hợp sản xuất cà phê và chè. Vấn đề bền vững về vật chất không được bàn thêm trong tài liệu này nhưng là một vấn đề cần giải quyết gấp.

gì về tiếp thị. Việc thiết lập một dịch vụ khuyến nông tiếp thị hiệu quả có nhiều khả năng đem lại sự cải thiện đáng kể về chất lượng của các quyết định đầu tư của các nông dân quy mô nhỏ.

Vấn đề thứ hai xuất phát từ sự bất ổn định của giá cả quốc tế ảnh hưởng tới tất cả mọi nông dân sản xuất một loại cây trồng nào đó, ngay cả đối với những người mà cây trồng này là phương án phù hợp nhất. Tất cả đều phải đối phó với tổng thu nhập hàng năm không ổn định dẫn tới sự bất ổn định trong thu nhập ròng hàng năm và có thể phải tiếp tục với loại cây trồng đó trong khi thu nhập âm trong vài năm liên tục.

Tình trạng bất ổn định cao độ về giá cả quốc tế của cây lâu năm và tác động nghiêm trọng của nó đối với thu nhập của nông dân được thể hiện qua kinh nghiệm của người trồng cà phê Việt Nam trong vòng ba năm qua. Điều này diễn ra sau khi sản lượng thế giới sụt giảm do tác động chậm của giá cả quốc tế xuống thấp sau sự sụp đổ của hệ thống quota xuất khẩu của Tổ chức Cà phê Quốc tế vào năm 1989. Giá cả của cà phê Chè và Vối thời kỳ đó vẫn còn khá cao cho tới năm 1998, khuyến khích canh tác ở nhiều nơi trên toàn thế giới. Khi sản lượng mới đổ vào thị trường, giá thế giới giảm, rớt xuống mức thấp kỷ lục tính trên giá trị thực vào năm 2001. Tác động của tình trạng này đối với giá trung bình mà người trồng cà phê của Việt Nam nhận được trong giai đoạn ngay sau thu hoạch trong từng năm của bốn năm vừa qua được thể hiện trong bảng dưới đây.[5]

LỢI NHUẬN RÒNG CỦA MỘT NGƯỜI TRỒNG CÀ PHÊ CÓ KINH NGHIỆM VỚI CÂY TRƯỞNG THÀNH, 1998-2001 (US$)

	1998	1999	2000	2001
Giá bán cho nhà máy chế biến/tấn	1,525	1,144	854	472
Chi phí sản xuất/tấn	500	500	500	500
Lợi nhuận ròng/tấn	1,025	644	354	-28
Lợi nhuận ròng/héc-ta	3,280	2,061	1,133	-90

Nguồn: VINACAFE, Viện Kinh tế Nông nghiệp

Nếu Việt Nam muốn duy trì khả năng cạnh tranh quốc tế của những mặt hàng mà Việt Nam đã tạo dựng được sự hiện diện trên thị trường quốc tế, điều quan trọng là các hộ nông dân phải có được khả năng duy trì sản lượng và năng lực sản xuất trong những thời kỳ giá quốc tế xuống thấp. Một điều quan trọng khác là các hộ nông dân, dù thu nhập ròng hàng năm có biến động thế nào, phải có khả năng trang trải được các chi tiêu của gia đình, bao gồm việc mua lương thực và những thứ thiết yếu khác.

Những vấn đề nảy sinh do bất ổn định giá cả quốc tế của một mặt hàng cụ thể nào đó có thể được giải quyết ở sáu cấp độ khác nhau. Có thể nỗ lực để:

- giảm mức độ bất ổn định về giá cả quốc tế;
- giảm mức độ bất ổn định về giá xuất khẩu ở biên giới Việt Nam, trên một mức độ bất ổn nhất định về giá cả quốc tế;
- giảm mức độ bất ổn định về giá nhà sản xuất, trên một mức độ bất ổn nhất định về giá xuất khẩu;

[5] Số liệu về giá cả là giá tháng Giêng của năm tương ứng mà nông dân bán cà phê nhân cho các nhà máy chế biến. Chi phí ở đây là chi phí của một nông dân kinh nghiệm trên một diện tích trồng trọt tốt với cây cà phê trưởng thà.Lợi nhuận ròng từ năm 1998 tới 2000 sẽ nhỏ hơn và mức lỗ năm 2000 sẽ lớn hơn đối với nhiều nông dân ít kinh nghiệm mới trồng vào cuối những năm 90 và vẫn còn chịu gánh nặng đầu tư ban đầu. Chi phí trong bảng này là chi phí của năm 2000 với giả định là không thay đổi trong các năm khác nhau. Trên thực tế chí phí hàng năm lẽ ra đã tăng, dẫn tới mức độ bất ổn lợi nhuận ròng còn cao hơn so với những gì thể hiện ở đây.

- giảm nhẹ tác động của sự bất ổn định về giá nhà sản xuất đối với sự ổn định về thu nhập ròng của cơ sở sản xuất nông nghiệp;
- giảm nhẹ tác động của sự bất ổn định về thu nhập ròng của cơ sở sản xuất nông nghiệp đối với sự ổn định về thu nhập của hộ nông dân;
- đền bù cho hộ nông dân về sự bất ổn định thu nhập của họ.

Bình ổn giá thế giới và giá xuất biên. Trên toàn thế giới, những nỗ lực trong vòng nửa thế kỷ vừa qua nhằm bình ổn giá cả quốc tế chỉ thành công ở mức hạn chế. Việt Nam có thể giảm bớt sự bất ổn giá cả xuất khẩu của mình thông qua các biện pháp cải thiện chất lượng, bởi vì giá hàng chất lượng cao thường ít biến động hơn so với giá hàng chất lượng kém. Ngoài ra, hiếm có biện pháp gì khác để bình ổn giá xuất khẩu. Điều này đúng với các thoả thuận giá tối thiểu, như đã được Hiệp hội Cà phê và Ca cao Việt Nam thử nghiệm không mấy thành công hồi đầu năm 2001. Nó cũng đúng với các công cụ quản lý rủi ro bởi những công cụ này chỉ áp dụng cho những giai đoạn ngắn và không thể bảo hiểm cho người nông dân trước những đợt sụt giá kéo dài vài năm liền.

Bình ổn giá nhà sản xuất. Đối với hàng xuất khẩu, giá nhà sản xuất thường ổn định hơn so với giá xuất biên bởi phải trừ đi mức phí cố định cho chế biến và tiếp thị trong nước. Trên toàn thế giới lịch sử nỗ lực của các quốc gia để giảm bớt sự bất ổn định về giá nhà sản xuất thông qua các chương trình bình ổn giá là lịch sử của sự thất bại. Những chương trình như vậy đòi hỏi phải có khả năng dự báo giá thế giới, một khả năng mà hiếm có chính phủ nào có được. Cả chính quyền trung ương của Việt Nam và một số doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh gần đây đã tìm cách bình ổn giá nhà sản xuất thông qua các giải pháp ..., nhưng những biện pháp này đã tỏ ra quá tốn kém và/hoặc không có khả năng nhiều hơn là trì hoãn sự giảm giá.

Bình ổn thu nhập ròng của các cơ sở sản xuất nông nghiệp. Thông thường, các nông dân quy mô nhỏ giảm bớt mức độ bị ảnh hưởng của rủi ro giá cả và sản lượng bằng cách sản xuất một tập hợp các mặt hàng. Ở Việt Nam, khả năng này bị hạn chế do quy mô nhỏ của phần lớn các nông trại. Tuy nhiên, có khả năng trồng xen canh cây lâu năm với các cây trồng khác và đa dạng hoá bằng cách tăng gia chăn nuôi gia súc.

Giảm nhẹ tác động đối với thu nhập của hộ nông dâ. Mặc dù ít có tiềm năng để đa dạng hoá, khả năng hứa hẹn nhất để giảm tác động của sự bất ổn trong giá cả quốc tế dường như nằm ở ngay trong cơ sở sản xuất nông nghiệp và hộ nông dân. Dường như có tiềm năng để thực hiện các biện pháp sáng tạo nhằm giảm bớt gánh nặng của sự bất ổn định trong thu nhập từ cây trồng, ví dụ như các chương trình cho vay để canh tác với lãi suất và thời hạn trả nợ linh hoạt và phù hợp với mức hiện hành của giá quốc tế và giá nhà sản xuất trong nước của loại cây đó.[6] Cũng có thể có những biện pháp tăng thêm việc làm ở nông thôn thông qua những hoạt động không liên quan trực tiếp tới cây xuất khẩu chính mà cũng không nhạy cảm với mức thu nhập ở địa phương. Những biện pháp như vậy sẽ góp phần đáng kể để giảm bớt khó khăn bằng cách cho phép thu nhập của một hoặc nhiều thành viên hộ gia đình trở nên độc lập trước giá cửa trại của cây trồng chính của hộ gia đình.

Bù đắp cho hộ nông dân về sự bất ổn định thu nhập của họ. Như là một phương sách cuối cùng, có thể cần khởi động các chương trình mạng lưới an sinh một cách nhanh chóng theo những thay đổi được nghiên cứu trước và được xác định trong các chỉ số giá cả hàng hoá.

Nói tóm lại, sự bất ổn trong thu nhập của các cơ sở sản xuất và hộ nông nghiệp có thể được xem như là vấn đề quan trọng nhất mà các hộ nông dân Việt Nam đang gặp phải trong quá trình hội nhập của ngành nông nghiệp với nền kinh tế toàn cầu.[7] Do đó, khuyến nghị ở đây là với mỗi mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu chủ chốt, Chính phủ nên xây dựng các chương trình nhằm giảm nhẹ tác động của sự bất ổn về giá quốc tế đối với (a) hiệu quả của các quyết định đầu tư nông nghiệp, (b) khả năng của

[6] Kinh nghiệm với những chương trình loại này được xem xét trong cuốn Tài trợ cho những đầu tư kỳ hạn trong nông nghiệp: Báo cáo do Ban Dịch vụ Tiếp thị và Tài chính Nông thôn của FAO soạn thảo cho Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc, tháng 8 năm 2001.

[7] Nhiều mặt hàng nông nghiệp, kể cả cây chè và cà phê, đã bị giảm giá theo giá trị thực xét về dài hạn. Nếu xu hướng này tiếp tục, thì sẽ là vấn đề lớn đối với Việt Nam với bản chất khác so với những vấn đề bất ổn định giá về ngắn hạn và trung hạn.

quốc gia để duy trì năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh trong những giai đoạn giá sụt giảm, và (c) an sinh của hộ nông dân.

Xuất phát điểm của một nghiên cứu như vậy phải xem xét thấu đáo tác động của những lần sụt giá gần đây của các cây xuất khẩu chính và các phương pháp giải quyết của Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương, các cơ sở tư nhân, thể chế tài chính, các tổ chức phi chính phủ và các hộ nông dân.

Cải thiện chất lượng năng lực vườn cây lâu năm hiện tại

Việc trồng trọt mang tính tự phát mà không có tư vấn khuyến nông đầy đủ khiến cho diện tích trồng các cây lâu năm hiện tạithường chỉ gồm các giống có năng suất thấp và chất lượng thấp, sản lượng của chúng lại bị giảm thêm bởi các tập quán canh tác chưa thích hợp và khâu chăm sóc yếu kémtiếp theo. Vì vậy, xét theo tiêu chuẩn quốc tế, thì năng suất trên héc-ta cũng như chất lượng đều thấp.

Vấn đề chính là làm thế nào để giải quyết những bất cập của vườn cây lâu năm hiện đang sản xuất và nhất là bây giờ nên trồng mới hay cải tạo những vườn cây lâu năm hiện có này. Điều này sẽ tuỳ thuộc vào từng loại cây, và với từng loại cây khác nhau thì tuỳ theo các vùng khí hậu-nông nghiệp khác nhau cũng như giữa những người nông dân khác nhau trong vùng.

Khi không được tư vấn, đại đa số nông dân sẽ không có khả năng ra quyết định đúng đắn giữa trồng mới và cải tạo bởi vì với từng hoạt động điều này đòi hỏi phải có khả năng dự báo cho từng năm trong tương lai cho tới khi sản lượng trở nên ổn định về (a) chi phí liên quan, (b) sản lượng dự tính, (c) giá nhà sản xuất, và (d) cách thức mà sự thay đổi về chất lượng có thể cải thiện mức giá của nhà sản xuất. Nó cũng đòi hỏi phải có khả năng đánh giá và chiết khấu chi phí lợi ích về giá trị hiện tại.

Các hệ thống cung cấp dịch vụ tư vấn như vậy cần được chính phủ thiết lập hoặc trên cơ sở giao khoán hợp đồng vì khi người nông dân có được chiến lược phát triển cây lâu năm hiệu quả thì có nhiều khả năng tạo ra được lợi ích quan trọng làm tăng thêm giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp, thu nhập của hộ nông dân và kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Bước đầu tiên là phải đánh giá, trên cơ sở sử dụng những số liệu tốt nhất hiện có, về tác động thực chất của việc cải tạovà trồng mới đối với từng mức sản lượng hiện tại trong từng vùng sản xuất chính. Công tác này sẽ đặc biệt phù hợp để Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ở cấp tỉnh thực hiện nhưng cần có sự hỗ trợ về mặt phương pháp luận và đào tạo của cán bộ quốc gia của Bộ.

Nâng cao hiệu quả chế biến và tiếp thị

Đối với một số hàng xuất khẩu, như cà phê và hồ tiêu, tốc độ gia tăng sản lượng trên toàn quốc rất đáng khâm phục. Việc xây dựng thành công năng lực chế biến, vận tải và tiếp thị để đáp ứng sản lượng tăng nhanh của những mặt hàng này cũng không kém phần ấn tượng. Tuy nhiên, chạy đua để theo kịp với sự gia tăng sản xuất cũng có nghĩa là các hệ thống chế biến và tiếp thị còn tương đối thô sơ và không tương xứng với một quốc gia đã gây dựng được vị thế là nhà sản xuất lớn trên thế giới. Kết quả là, như đã nói ở trên, nhiều mặt hàng nông nghiệp của Việt Nam có xu hướng phải bán hạ giá trên thị trường thế giới. Để Việt Nam có thể duy trì khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, điều quan trọng là phải giảm tình trạng hạ giá này, có thế mới tăng được thu nhập từ xuất khẩu và thu nhập cho người nông dân.

Việc phải bán hạ giá một phần là kết quả của chất lượng thực tế của hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, một nguyên nhân khác là do thiếu các hệ thống đảm bảo cung cấp hàng một cách có trật tự cho thị trường thế giới. Điều này đặc biệt đúng đối với cây cà phê và hồ tiêu. Với những hàng hoá này không có một tổ chức tư nhân hoặc nhà nước nào bên ngoài cổng nông trại đóng vai trò chủ đạo trong việc dự trữ mùa vụ. Không có ban tiếp thị còn các doanh nghiệp nhà nước cũng như tư nhân không có ý định tàng trữ nhiều hơn khối lượng kinh doanh thông thường. Kết quả là một tỷ lệ không cân đối sản lượng hàng năm của Việt Nam được xuất khẩu ngay trong giai đoạn vừa thu hoạch xong. Trước đây khi lượng xuất khẩu của Việt Nam chỉ chiếm một phần nhỏ trên thị trường thế giới thì điều này không thành vấn đề. Tuy nhiên, giờ đây khi Việt Nam đã chiếm một phần lớn thị trường thế giới trong cả hai mặt hàng này,

tình trạng này lại gây áp lực xuống giá quốc tế và làm giảm giá phần lớn sản lượng cây trồng mà Việt Nam bán.

Khi sản xuất gia tăng, nông dân thường có xu hướng tàng trữ giao mùa, để thu lợi khi giá thị trường tăng như đã thấy hồi cuối những năm 90. Tuy nhiên, họ sẽ không sẵn lòng cũng như không có khả năng tài chính để làm như vậy sau khi đã có những đợt sụt giảm mạnh trong giá cả quốc tế. Vì vậy, vấn đề tính thời vụ của lượng hàng xuất khẩu có khả năng trở nên xấu đi, nếu không áp dụng những biện pháp điều chỉnh.

Đối với những hàng có thể dự trữ được, như cà phê và hồ tiêu, Việt Nam cần xây dựng các hệ thống tiếp thị có khả năng cung cấp một luồng hàng ổn định cho thị trường thế giới. Nhiều nước gần đây đã tìm cách làm việc này bằng cách bắt buộc sử dụng ban tiếp thị của nhà nước. Những ban này tỏ ra khó quản lý cho hiệu quả và thường tạo ra các hệ thống tiếp thị trong nước với chi phí cao và không hiệu quả. Giả sử Chính phủ không tìm cách thiết lập ban tiếp thị, vì lịch sử không mấy thành công của chúng và vì Việt Nam mong muốn tham gia WTO, thì để cung cấp hàng xuất khẩu một cách có trật tự sẽ cần phải có một hệ thống trong đó các doanh nghiệp xuất khẩu phải thấy được là trữ hàng là có lợi cho họ. Như vậy đòi hỏi nhà xuất khẩu phải vừa tiếp cận được nguồn tài chính để mua một phần đáng kể sản lượng hàng năm vừa có khả năng tự bảo hiểm trước những rủi ro của việc trữ hàng.[8]

Việc thành lập một hệ thống tàng trữ có tự bảo hiểm gồm một loạt các nhà kho được kiểm định mà các nhà buôn sẽ gửi hàng vào và nhận một phiếu chứng nhận ghi rõ lượng hàng gửi và phẩm cấp của hàng gửi. Phiếu chứng nhận này sẽ được gửi vào ngân hàng như là vật thế chấp cho các khoản vay trên cơ sở hàng lưu kho, sẽ có thể được sử dụng để trao đổi giao dịch, có thể được mua và bán trên thị trường đấu giá trong nước, và có thể trở thành một yếu tố trong một hệ thống các hợp đồng kỳ hạn tương lai riêng của Việt Nam mà người ta có thể dùng để bảo hiểm trước những rủi ro của việc tàng trữ hàng trong nước.

Chính phủ nên thực hiện một nghiên cứu chi tiết về tiềm năng của một hệ thống như vậy đối với cà phê, nhằm sau này mở rộng cho các hàng xuất khẩu có thể tàng trữ khác. Cho dù khuyến nghị này có vẻ như quá tham vọng một cách không cần thiết, cần xem xét nó trong bối cảnh giá trị xuất khẩu cao của Việt Nam cũng như vai trò quan trọng mà Việt Nam hiện đang có trên thị trường thế giới trong một loạt mặt hàng. Năm 2000, trị giá xuất khẩu của Việt Nam đạt trên US$140 triệu về cao su, hạt điều và hồ tiêu, hơn US$500 triệu về gạo và cà phê, dù giá thế giới có giảm. Trong tất cả những mặt hàng này Việt Nam hiện đều chiếm tỷ lệ lớn của thị trường thế giới.

III. KẾT LUẬN

Trong 15 năm qua, Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng nhanh về sản lượng nông nghiệp đưa Việt Nam từ một nước phải nhập khẩu lương thực trở thành một nước xuất khẩu nông sản lớn. Mặc dù điều này đã làm tăng thu nhập nông thôn và cải thiện an sinh cho đại đa số các hộ nông dân, gần đây những sự sụt giảm giá quốc tế đối với các mặt hàng nông sản chủ chốt của Việt Nam đã làm nổi bật những vấn đề cố hữu trong nền kinh tế nông nghiệp mới dựa trên cơ chế thị trường của quốc gia này.

Tài liệu này tập trung vào ba lĩnh vực yếu kém chủ yếu:

- mức độ dễ bị tổn thương của các hộ nông dân trồng cây lâu năm trước rủi ro về giá cả;
- chất lượng kém của phần lớn diện tích trồng cây lâu năm hiện có của Việt Nam; và
- các hệ thống chế biến và tiếp thị các cây trồng xuất khẩu chính hiện không có đủ khả năng đảm bảo tối đa hoá mức giá cho người nông dân.

[8] Việc trữ hàng mang tính rủi ro vì hàng có thể bị giảm giá khiến người tàng trữ bị lỗ. Có thể loại bỏ rủi ro bị lỗ như thế bằng cách bán trước theo kỳ hạn (forward) ở mức giá xác định từ trước, bằng cách bán và mua trên thị trường kỳ hạn tương lai (future), hoặc bằng cách mua một quyền chọn (option) để bán vào một ngày trong tương lai với mức giá định trước.

Các tổ chức Liên Hợp Quốc nhận rõ tầm quan trọng của những vấn đề này cũng như sự cần thiết để cộng đồng quốc tế hỗ trợ Việt Nam nhanh chóng tìm ra giải pháp. Quan trọng là Chính phủ, khu vực tư nhân, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng quốc tế cần hợp tác với nhau để tìm ra những biện pháp nhằm đảm bảo các cộng đồng nông thôn ở Việt Nam thu được lợi ích đầy đủ của việc gia tăng sản lượng nông nghiệp, mà không tổn hại đến khả năng tiếp cận lương thực và những nhu cầu tối thiểu khác.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp Việt Nam: Phân tích sơ bộ trong bối cảnh ASEAN và AFTA, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Thuỷ sản/FAO, Hà Nội, tháng 10 năm 2000.

Xây dựng chương trình kiểm tra chứng nhận thực phẩm xuất khẩu ở Việt Nam, Ban Quản lý Tiêu chuẩn và Chất lượng/FAO, Hà Nội, tháng 4 năm 2001.

Tài trợ cho những đầu tư kỳ hạn trong nông nghiệp: Báo cáo do Ban Dịch vụ Tiếp thị và Tài chính Nông thôn của FAO soạn thảo cho Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc, tháng 8 năm 2001.

Tình trạng bất an ninh lương thực ở Việt Nam: tiến bộ từ sau cuộc họp thượng đỉnh thế giới về lương thực 1996, Vụ kế hoạch dự báo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 10 năm 2001.

Chính sách nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam, UNDP/FAO, Hà Nội, tháng 11 năm 2001.